

LƯU LƯỢNG KẾ ORIFICE

Cụm mặt bích orifice

Orifice Plate & Flange Assembly

MODEL : DHOF-W

**DHOF-W**

Mặt bích orifice là một trong những cách đo lưu lượng kinh tế nhất; mặt bích orifice của Daehan Instruments được chế tạo chuyên dụng cho phép đo chính xác. Sử dụng máy công cụ tự động để đáp ứng dung sai nghiêm ngặt và các khuyến nghị đối với mặt bích, chú ý tỉ mỉ đến vị trí tap, trạng thái bề mặt lỗ, gia công bu lông và mặt bích.

Mặt bích orifice được chế tạo từ thép rèn A.S.T.M. A-105. Vật liệu khác chế tạo theo đặt hàng đặc biệt và thời gian giao hàng kéo dài hơn.

Cụm DHOF-W gồm một cặp mặt bích orifice, tấm orifice, bu lông · đai ốc · gioăng (theo bảng mã đặt hàng), và có thể cung cấp kèm meter run (Meter Run) khi cần.

Kèm Bolt · Nut · Gasket Mặt bích WN / SW / SO Tap NPT · SW 1/2 · 3/4
Độ chính xác $\pm 1.5\%$

Loại · Cấu hình model

Hạng mục	DHOF-W Tấm orifice & Cụm mặt bích
Đặc điểm	Chi phí lắp đặt và bảo trì thấp
Turndown	4:1
Vật liệu	Plate: STS304, STS316, Inconel, Monel, Hastelloy, Teflon · Flange: C.S, STS304, STS316, Inconel, Monel, Hastelloy, A182 F11, F22, F51
Kết nối	Flange 300#, 600#, 900#
Đường ống áp dụng	2B ~ 24B (50A ~ 600A) Pipe & Duct
Tiêu chuẩn áp dụng	ISO5167-2
Độ chính xác	$\pm 1.5\%$

Thông số kỹ thuật

Hạng mục	Giá trị
Kiểu mặt bích orifice	Weld Neck Type, Socket Weld Type, Slip On Type
Vật liệu mặt bích	Thép rèn A.S.T.M. A-105 (vật liệu khác theo đặt hàng đặc biệt)
Vật liệu mặt bích (tùy chọn)	A105, A182 F304, A182 F316, A182 F11, A182 F22, A182 F51, A350 LF2, etc
Cấp mặt bích (Flange Rating)	ANSI 150, 300, KS, JIS 10K 20K, AWWA
Kiểu tap	Flange Taps, Corner Taps, D-D/2 Taps
Kết nối tap chênh áp (Diff' Taps)	NPT 1/2, NPT 3/4, SW 1/2, SW 3/4
Vị trí Flange Tap	Cả thượng lưu · hạ lưu đều cách tấm orifice 25mm
Ghi chú trên bản vẽ mặt cắt lắp ráp	Tap áp suất 1/2" N.P.T., gioăng dày 1/16", vát mép hàn 37½° (Weld Neck)
Cấu hình cụm lắp ráp	Mặt bích orifice + tấm + Bolt, Nut, Gasket (tùy chọn kèm Meter Run)

Hạng mục	Giá trị
Bảng vật tư bản vẽ lắp ráp (ví dụ)	Flange A105 · Plate SUS316 · Gasket (MAX 350 °C) · Boss A105 PT 1/2 · Bolt & Nut A193 B7 Stud · Pipe C/S (user scope) ※ Ví dụ bản vẽ phê duyệt của cụm tap D-D/2 1800A PN10; thông số khác nhau theo từng dự án
Vật liệu tấm	304SS, 304L SS, 316SS, 316L SS, Monel, Hastelloy, Inconel, Cu-Ni, PTFE, Glass, Ni · Cr · Mo Alloy Steel (A182 F11 to 91)
Độ chính xác / Turndown / Tiêu chuẩn áp dụng	±1.5% / 4:1 / ISO5167-2

Tiêu chuẩn áp dụng · ISO 5167-2 · ISO 5167 · JIS Z 8762 · ASME · KS A 0612 · ASTM A105

Yêu cầu lắp đặt

- Kiểu Weld Neck hàn giáp mối vào đường ống, kiểu Socket Weld hàn socket, kiểu Slip On lồng vào rồi hàn. Cấp mặt bích chọn giống với đường ống quy trình.
 - Flange Tap đặt tap thượng · hạ lưu tại vị trí cách tấm 25mm. Kết nối tap chọn NPT 1/2 · 3/4 hoặc SW 1/2 · 3/4.
- Đường ống xung (dịch vụ hơi · chất lỏng · khí) và chiều dài đoạn ống thẳng được tính theo tỷ số β dựa trên tiêu chuẩn ISO 5167 tại trang 'Kiểu tap orifice · Yêu cầu đường ống lắp đặt'.

Thông tin đặt hàng (How to Order)

1 Model	
DHOF-W	Flange Assembly (kèm Bolt, Nut, Gasket)
DHOP	Plate Only (tấm đơn lẻ)
2 Tap Type	
D	D-D/2 Taps
F	Flange Taps
C	Corner Taps
3 Nominal Pipe Size	
(size)	Pipe size in inch or mm
4 Material : Plate / Flange	
CS	Carbon Steel
4S	304SS
4L	304L SS
6S	316SS
6L	316L SS
11	A182 F11
12	A182 F12
51	A182 F51
91	A182 F91
OP	Option

5 Mounting Connection	
015	ASME(ANSI) Class 150 LB
030	ASME(ANSI) Class 300 LB
010	KS(JIS) Class 10K
020	KS(JIS) Class 20K
000	Option

6 Diff' Taps	
1	NPT 1/2
2	NPT 3/4
3	SW 1/2
4	SW 3/4

7 Meter Run	
N	None
Y	Include

Ví dụ đặt hàng: **DHOF-W-D-1800-6S/CS-PN10-1-N**

Cụm mặt bích DHOF-W, tap D-D/2 (D), 1800A, tấm 316SS (6S) / mặt bích Carbon Steel (CS), mặt bích PN10 (cấp tùy chọn), tap chênh áp 1 (tap 1/2), không có meter run (N) — ví dụ đặt hàng theo bản vẽ phê duyệt orifice